

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 473/2023/HC-PT
Ngày 27-6-2023
V/v Khiếu kiện QĐHC trong lĩnh vực
quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Yên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh
Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 110/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện QĐHC trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 41/2022/HC-ST ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1419/2023/QĐPT-HC ngày 08 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: bà Trần Thị Ngọc H; sinh năm: 1968

Địa chỉ: số nhà 326, khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Phạm Trung Đ thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

- Người bị kiện: Chủ tịch UBND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Lê Văn H, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1966, hộ khẩu thường trú: số 166, khu phố 1, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bà Trần Thị Ngọc Th, sinh năm 1967, hộ khẩu thường trú: xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3. Ông Trần Văn M, sinh năm 1970, hộ khẩu thường trú: tổ 12, khu phố 5, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; có mặt.

4. Bà Trần Thị Ngọc V, sinh năm 1973, hộ khẩu thường trú: tổ 12, khu phố 5, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; có mặt.

5. Bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1957; hộ khẩu thường trú: tổ 9, khu phố 5, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; có mặt.

6. Ông Trần Văn Tr, sinh năm 1977; hộ khẩu thường trú: tổ 12, khu phố 5, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; có mặt.

7. Ông Trần Văn D, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: khu phố 5, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

8. Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Ngô Thị Kim L, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Những người làm chứng:

1. Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1959; địa chỉ: tổ 8, khu phố 5, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; vắng mặt

2. Bà Ngô Kim Ph, sinh năm 1959; địa chỉ: số nhà 129, tổ 12, khu phố 5, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/02/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện bà Trần Thị Ngọc H trình bày:

Bà Trần Thị Ngọc H là con ruột của bà Bùi Thị M (bà M chết năm 2017), trước năm 1975, gia đình bà H tản cư về Sài Gòn sinh sống, sau năm 1975 gia đình bà trở về quê tại khu phố 5, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương và được mẹ bà H (bà Bùi Thị M) cho biết toàn bộ khu đất từ đời ông cố là ông Cả Nở (đã chết), để lại cho ông ngoại bà H là ông Bùi Văn Thông (đã chết)

để lại cho gia đình bà H quản lý, sử dụng với diện tích hoa màu là 25.903m² và 11.640,8m² đất rừng bung. Từ trước năm 1975, đất bung có nguồn nước chảy quanh năm, gia đình bà H quản lý, sử dụng. Ngoài ra, có một số hộ dân xung quanh xin gia đình bà H để được lấy nước để canh tác.

Năm 1999, mẹ bà H (bà M) có xây 01 nhà cho ông Trần Văn M (em bà H) trên một phần diện tích đất trên. Đến năm 2003, gia đình bà H tiếp tục khai phá một phần diện tích đất để làm đường đi đồ nhựa và trồng cây cao su trên đất.

Đến năm 2005, bà M (mẹ bà H) có làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 11.640,8m² nhưng Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phường Mỹ Phước cho rằng chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M.

Bà M tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Bến Cát, ngày 18/12/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Bến Cát ban hành Quyết định số 3882/QĐ –UBND ngày 18/12/2008 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị M, ngụ tại khu phố 5, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương (lần đầu); kết quả: Không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà Bùi Thị M khiếu nại Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Phước không xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M.

Năm 2013, Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước có thông báo số 46/TB – UBND ngày 15/11/2013 thông báo về việc kê khai, đăng ký xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân đang quản lý đất bên Trà Di, có 06 hộ dân có phần đất bung nhưng 05 hộ dân được cấp quyền sử dụng đất còn lại gia đình bà H không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, gia đình bà tiếp tục kiến nghị đến Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát trả lời tại Công văn số 62/UBND–NC ngày 08/01/2021 về việc trả lời đơn của bà Trần Thị Ngọc H, nội dung: Không có cơ sở xem xét kiến nghị của bà Trần Thị Ngọc H.

Không đồng ý với công văn trên, bà Trần Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công văn số 62/UBND-NC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND thị xã Bến Cát về trả lời đơn của bà Trần Thị Ngọc H.

- Hủy Quyết định số 3882/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Bến Cát về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị M.

Tại bản trình bày ý kiến về vụ án hành chính về việc nêu ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H, người đại diện hợp pháp cho người bị kiện trình bày:

+ Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3882/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Bến Cát về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị M:

Đối với phần diện tích 11.099,8m² có nguồn gốc là đất rừng tự nhiên, trũng, giữ nước, thường xuyên có nước mọi chảy ra. Các hộ dân phía dưới trong đó có hộ bà M sử dụng nguồn nước này để cấy lúa, trồng hoa màu. Đa số diện tích này vẫn là đất rừng, có cây mọc tự nhiên, không có ai canh tác, không có cây trồng cũng như công trình trên đất. Như vậy, phần đất này không ai quản lý, sử dụng và chưa sử dụng theo quy định tại Điều 13 Luật Đất đai năm 2003.

Diện tích trên bà M đã đăng ký nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm năm 2007, Hội đồng tư vấn xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thị trấn Mỹ Phước họp và kết luận chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên cơ sở điều tra, xác minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng, hiện trạng và quá trình sử dụng và ý kiến của hội đồng cấp giấy chứng nhận thị trấn Mỹ Phước đối với tổng diện tích 11.640,8m² nêu trên thì việc Chủ tịch UBND thị xã Bến Cát ban hành Quyết định số 3882/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Bến Cát về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị M là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

+ Đối với yêu cầu hủy Công văn số 62/UBND-NC ngày 8/01/2021 của Chủ tịch UBND thị xã Bến Cát về trả lời đơn của bà Trần Thị Ngọc H:

Sau khi có quyết định số 3882/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã Bến Cát) về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị M, đến năm 2011 gia đình bà M đã tự ý chặt cây rừng tự nhiên trên toàn bộ diện tích để trồng cây cao su, xây dựng nhà và tiếp tục sử dụng diện tích này. Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước có lập biên bản, xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi chiếm đất.

Như vậy, thời điểm bà Miếu trồng cây cao su trên đất là sau thời điểm ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

Đối với Công văn số 1430/UBND - NC ngày 05/7/2013 của UBND huyện Bến Cát về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân đang sử dụng đất tại khu vực bến Chà Vi, thị trấn Mỹ Phước, nội dung văn bản này chỉ yêu cầu UBND phường Mỹ Phước, Phòng Tài nguyên và Môi trường rà soát các

hộ dân sử dụng đất tại vị trí đất rừng bung thuộc khu phố 5, thị trấn Mỹ Phước để hướng dẫn các hộ dân đăng ký, kê khai theo đúng quy định. Nội dung văn bản này không khẳng định việc các hộ dân có đất tại khu vực bến Chà Vi đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công văn này mang tính chỉ đạo nội bộ, hướng dẫn cho Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Phước, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Bến Cát thực hiện công tác rà soát và hướng dẫn cho người dân đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do đó, bà Trần Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 62/UBND-NC ngày 8/01/2021 của Chủ tịch UBND thị xã Bến Cát về trả lời đơn của bà Trần Thị Ngọc H và hủy Quyết định số 3882/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Bến Cát về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị M là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước trình bày:

Khoảng năm 2000, 2001 hộ bà Đỗ Thị L, bà Huỳnh Thị Nh có đơn tranh chấp với bà Bùi Thị M liên quan đến vị trí đất rừng bung tại thị trấn Mỹ Phước (nay là phường Mỹ Phước).

Đến năm 2006, các hộ dân lân cận có đơn yêu cầu ngăn chặn việc chặt phá cây rừng và bảo vệ nguồn nước để sản xuất nông nghiệp.

Sau đó năm 2006, bà Bùi Thị M có đơn khiếu nại, yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát.

Qua quá trình xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, xét thấy phần diện tích đất khiếu nại, yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị M có nguồn gốc là đất rừng (cây mọc tự nhiên), với đặc điểm trũng, giữ được nước, thường xuyên có nước mọi chảy ra, người dân thường gọi là cục bung, các hộ dân có ruộng lúa phía dưới trong đó có hộ bà Bùi Thị M (mẹ ruột bà H) sử dụng nguồn nước này để cấy lúa, trồng hoa màu; không ai canh tác phần đất rừng này (vì để giữ nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp).

Xét thấy bà Bùi Thị M chưa đầu tư, canh tác vào đất, chưa có quá trình sử dụng đối với phần đất rừng (theo khoản 3 Điều 13 Luật Đất đai năm 2003 thì phần đất này thuộc nhóm đất chưa sử dụng). Do đó, UBND huyện Bến Cát đã ban hành Quyết định số 3882/QĐ - UBND ngày 18/12/2008 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị M với nội dung bác đơn khiếu nại.

Như vậy, quyết định số 3882/QĐ - UBND ngày 18/12/2008 được ban hành là phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ hồ sơ vụ việc, nay Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Ngọc D, bà Trần Thị Ngọc Th, ông Trần Văn M, bà Trần Thị Ngọc V, bà Trần Thị Ngọc M, ông Trần Văn Tr, ông Trần Văn D: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H.

Tại bản tường trình ngày 29/8/2022, người làm chứng ông Huỳnh Văn M trình bày:

Nguồn gốc đất bùng trước kia người dân chung quanh thường gọi Bùng ông Cả Nở (đất không có người quản lý), trong bùng có mọi nước chảy xuống cánh đồng ruộng phía dưới, trồng lúa, hoa màu, Nhà nước có chủ trương cấp quyền sử dụng đất cho những hộ có nguồn gốc sử dụng ổn định, rõ ràng, không tranh chấp. Riêng cục Bùng của bà Bùi Thị M đang tranh chấp với ông Nguyễn Văn Th và bà Huỳnh Thị Nh nên chưa cấp quyền sử dụng đất.

Hiện nay, tôi được biết phần đất trên đã có quyết định của cấp trên giao cho phường quản lý. Do đó, tôi đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Biên bản làm việc ngày 16/8/2022, người làm chứng bà Ngô Kim Ph trình bày:

Do tôi sinh ra, lớn lên ở địa phương và sử dụng đất ở cách nhà bà H khoảng 200 – 300 m nên tôi biết nguồn gốc diện tích đất bà H đang yêu cầu giải quyết xưa gọi là bùng ông Cả Nở, (ông Cả Nở là ông cố ngoại của bà H). Tôi được biết trước và sau giải phóng cho đến năm 2000, thì bùng là nơi chứa nước để sử dụng cho sản xuất, trồng lúa của cả nhà bà M và một số hộ dân lân cận có qua bùng lấy nước để dẫn về ruộng. Khi đó, trong bùng có cây rừng tự nhiên. Khoảng từ năm 2000, gia đình bà M có chặt cây rừng trong Bùng và san phẳng đất để trồng cây cao su và đổ đường đi trên đất sử dụng cho đến nay. Theo tôi, gia đình bà H phải được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như những hộ dân xung quanh.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 41/2023/HCST ngày 03-11-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, 32, 115, 116 khoản 1 Điều 158, Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Trần Thị Ngọc H đối với yêu cầu hủy các quyết định:

- Công văn số 62/UBND-NC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về trả lời đơn của bà Trần Thị Ngọc H.

- Quyết định số 3882/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Bến Cát về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị M.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14-11-2022, bà Trần Thị Ngọc H có đơn kháng cáo đề nghị tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án hành chính sơ thẩm.

Ngày 17-11-2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có Quyết định kháng nghị số 92/QĐ-VKS-HC với nội dung đề nghị Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Ngọc H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương và sửa bản án số 41/2022/HC-ST ngày 03/11/2022 về việc khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Viện kiểm sát, của người khởi kiện, người bị kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về hình thức đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 14/11/2022 người khởi kiện bà Trần Thị Ngọc H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số 41/2022/HC-ST ngày 03/11/2022 về việc khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Ngày 17/11/2022, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương kháng nghị bản án hành chính sơ thẩm số 41/2022/HC-ST ngày 03/11/2022 về việc khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H, hủy quyết định số 3882/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 và công văn số 62/UBND-NC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND thị xã Bến Cát.

Đối chiếu với bản án sơ thẩm đã xét xử thì thấy:

[1] Về đối tượng khởi kiện: cấp sơ thẩm xác định đúng đối tượng khởi kiện là công văn số 62/UBND-NC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về việc trả lời đơn của bà Trần Thị Ngọc H đối với diện tích 11.640,8m² thuộc một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại khu phố 5, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát tỉnh Bình Dương.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 116 Luật tố tụng hành chính cấp sơ thẩm xác định còn thời hiệu khởi kiện là phù hợp. Tuy nhiên, đối với quyết định số 3882/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Chủ tịch UBND huyện Bến Cát về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị M đã hết thời hiệu khởi kiện nhưng đây là quyết định hành chính có liên quan nên được xem xét theo quy định tại Điều 6 Luật Tố Tụng hành chính.

[3] Xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của Quyết định số 3882 và công văn số 62 thì thấy đúng thẩm quyền ban hành văn bản.

[4] Về nội dung: Bà Trần Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu hủy yêu cầu hủy Quyết định số 3882/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Chủ tịch UBND huyện Bến Cát về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị M và công văn số 62/UBND-NC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về việc trả lời đơn của bà Trần Thị Ngọc H đối với diện tích 11.640,8m² thuộc một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại khu phố 5, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát tỉnh Bình Dương.

Xét nguồn gốc diện tích 11.640,8m² thuộc một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại khu phố 5, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát tỉnh Bình Dương thì thấy: 11.640,8m² gồm 02 phần, một phần có diện tích 415m² do ông Trần Văn M (con bà M) đang quản lý, sử dụng, phần diện tích còn lại 11.099,8m² đất hiện nay do gia đình bà H đang quản lý, sử dụng.

Căn cứ sổ mục kê do UBND phường Mỹ Phước xác định: từ năm 2016 trở về trước UBND phường Mỹ Phước quản lý đất tại địa phương bằng sổ ngoại dã và bản đồ địa chính quy lập năm 1999 – 2000, hiện nay trang 01 -02 của sổ ngoại dã bị thất lạc, bản đồ địa chính chính quy lập 1999-2000 thể hiện thửa đất số 37, tờ bản đồ số 07, diện tích 24.749,6m² mục đích sử dụng là đất rừng. Sổ mục kê lập năm 2016 -2017 thể hiện thửa đất 37 thể hiện mục đích sử dụng là cây lâu năm, tại tên mục người kê khai, quản lý: Trồng. Sổ mục kê lập năm 2016 -2017 thể hiện thửa đất 37 gồm 2 phần: phần diện tích 566,6m² và 12.298,2m² mục đích sử dụng là trồng cây lâu năm, không thể hiện ai là người quản lý sử dụng đất.

Như vậy, có căn cứ xác định, phần đất diện 11.640,8m² có nguồn gốc đất rừng tự nhiên, trồng, giữ được nước, có nước nguồn chảy ra là trước đây nước

phục vụ tưới cho nhiều hộ dân canh tác trồng hoa màu và không ai đăng ký quản lý, sử dụng, thuộc loại đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 13 Luật Đất đai năm 2003.

Bà H cho rằng nguồn gốc, diện tích đất 11.640,8m² là của ông bà để lại, gia đình bà H quản lý, sử dụng từ sau năm 1975 cho đến nay nhưng không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc sử dụng đất.

Xét thấy, nguồn gốc diện tích 11.640,8m² thuộc một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại phường Mỹ Phước có nguồn gốc đất công thổ trước đây do UBND xã Lai Hưng quản lý. Từ năm 1995 đến nay do UBND thị trấn (nay là Phường) Mỹ Phước quản lý. Gia đình bà M đã tự ý bao chiếm từ năm 1999 là trái quy định pháp luật về đất đai. Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phường Mỹ Phước không xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị M với diện tích 11.640,8m² là có cơ sở. Do đó, quyết định số 3882/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Chủ tịch UBND huyện (nay là thị xã) Bến Cát về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị M là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi có quyết định số 3882/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Chủ tịch UBND huyện (nay là thị xã) Bến Cát bà M không tiếp tục khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/10/2022 thể hiện trên đất có trồng 400 cây cao su do bà M và con bà M trồng năm 2011. Căn cứ biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai do UBND thị trấn Mỹ Phước lập các ngày 28/12/2011 và ngày 02/02/2012 đối với hành vi chiếm đất (diện tích 11.099,8m²) quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Nhận thấy, việc gia đình bà M trồng cây lâu năm trên đất là sau khi Chủ tịch UBND thị xã Bến Cát ban hành Quyết định 3882/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 và quyết định này đã có hiệu lực pháp luật là trái quy định pháp luật về đất đai. Do đó bà Trần Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu hủy công văn số 62/UBND-NC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát có nội dung: Việc bà Trần Thị Ngọc H đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo công văn số 1430/UBND-NC ngày 05/7/2013 của UBND huyện Bến Cát đối với phần đất của bà Bùi Thị M và việc Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước đề nghị, xem xét, thu hồi, hủy quyết định là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Đối chiếu với các chứng cứ và tài liệu do các đương sự cung cấp. Theo quy định tại Điều 100, khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, gia đình bà Trần

Thị Ngọc H không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, Chủ tịch UBND thị xã Bến Cát không chấp nhận yêu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H là có căn cứ.

[5] Nhận định của Hội đồng xét xử: xét thấy, cấp sơ thẩm đã xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hôm nay phía người khởi kiện cũng không đưa ra được những chứng cứ khác ngoài những chứng cứ đã được xem xét ở cấp sơ thẩm nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc H.

Đối với kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương yêu cầu: sửa bản án hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H, hủy Quyết định số 3882/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Chủ tịch UBND huyện Bến Cát về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị M và công văn số 62/UBND-NC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về việc trả lời đơn của bà Trần Thị Ngọc H đối với diện tích 11.640,8m² thuộc một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại khu phố 5, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát tỉnh Bình Dương là không có căn cứ để chấp nhận kháng nghị. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

[6] Tại phiên tòa ngày hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, sửa bản án sơ thẩm không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Do kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc H và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 41/2022/HC-ST ngày 03/11/2022 về việc khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: bà Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai thu số 0000323 ngày 25-11-2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND CC tại TP Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự (10);
- Lưu 01, VP 5 (DTTP 22)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Yên

Các thẩm phán

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Minh

Phan Nhật Bình

Phan Văn Yên

